

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA H'DRAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Ia H'Drai, ngày tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Về việc xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trường Mầm non Măng Non (Bếp ăn, nhà công vụ)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ia H'Drai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 24/4/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao Ủy ban nhân dân huyện Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Ia H'Drai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 08/03/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Ia H'Drai lần 1;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 08/03/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 lần 1;*

*Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 15/03/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 lần 1;*

Trên cơ sở Báo cáo số 61/BC-BQL ngày 22/03/2021 và Tờ trình số 43/TTr-BQL ngày 22/03/2021 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện; Báo cáo số 110a/BC-PTCKH ngày 20/4/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch. Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai kính trình Hội đồng nhân dân huyện quyết nghị chủ trương đầu tư dự án: Trường Mầm non Măng Non (Bếp ăn, nhà công vụ), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo phục vụ nhu cầu thiết yếu của học sinh bán trú, nhà ở giáo viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Từng bước tạo lập cơ sở vật chất khang trang cho trường, qua đó nâng cao chất lượng cho việc dạy và học.

2. Quy mô đầu tư:

- San nền diện tích khoảng 1.732 m<sup>2</sup>.

- Đầu tư mới bếp ăn diện tích khoảng 172,8 m<sup>2</sup>, Nhà công vụ diện tích khoảng 240 m<sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ như: Tường rào, giá bồn nước, sân bê tông, mương thoát nước, ốp bê tông mái có chừa lỗ trồng hoa...

3. Dự án nhóm: C

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

4. Tổng mức đầu tư của dự án: 5.160.000.000 đồng (*Năm tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng	4.140.601.068 đồng;
- Chi phí thiết bị	234.800.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	130.546.057 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng	403.849.851 đồng;
- Chi phí khác	78.489.974 đồng;
- Chi phí dự phòng	171.713.050 đồng.

*(Có bảng khái toán tổng mức đầu tư chi tiết kèm theo.)*

5. Cơ cấu nguồn vốn: Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (*Ưu tiên đầu tư các công trình GD&ĐT*) và các nguồn hợp pháp khác.

6. Địa điểm thực hiện: Xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

7. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Tối đa 03 năm.

9. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư mới.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Phương thức tổ chức thực hiện: Theo đúng quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án: Trường Mầm non Măng Non (Bếp ăn, nhà công vụ)/.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Nhàng**

**BẢNG TỔNG HỢP KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Công trình: Trường Mầm non Măng Non (Bếp ăn, nhà công vụ)**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)*

*Dvt: Đồng*

<b>TT</b>	<b>HẠNG MỤC CHI PHÍ</b>	<b>TRƯỚC THUẾ</b>	<b>THUẾ GTGT</b>	<b>SAU THUẾ</b>	<b>K.HIỆU</b>	<b>CÁCH TÍNH</b>
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>3.764.182.790</b>	<b>376.418.278</b>	<b>4.140.601.068</b>	<b>Gxd</b>	<b><math>Gxd=Gxd1..+d6</math></b>
1	Nhà ăn bếp	1.134.982.483	113.498.248	1.248.480.731	Gxd1	<i>Khái toán</i>
2	Nhà công vụ giáo viên	1.829.591.064	182.959.106	2.012.550.170	Gxd2	<i>Khái toán</i>
3	Giá bồn 2000L	46.813.178	4.681.318	51.494.496	Gxd3	<i>Khái toán</i>
4	San nền	201.313.112	20.131.311	221.444.423	Gxd4	<i>Khái toán</i>
5	Tường rào	248.826.809	24.882.681	273.709.490	Gxd5	<i>Khái toán</i>
6	Sân bê tông, mương thoát nước, ốp mái taluy & rãnh chôn ống Tổng thể,..	302.656.144	30.265.614	332.921.758	Gxd6	<i>Khái toán</i>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>213.454.545</b>	<b>21.345.455</b>	<b>234.800.000</b>	<b>Gxd</b>	<b><i>Tạm tính</i></b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>130.546.057</b>		<b>130.546.057</b>	<b>Gqlda</b>	<b><math>(Gxd+Gtb)*3,282\%</math></b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>367.136.228</b>	<b>36.713.623</b>	<b>403.849.851</b>	<b>Gtv</b>	<b><math>Gtv=Gtv1+...+Gtv7</math></b>
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	182.088.096	18.208.810	200.296.906	Gtv1	$(Gxd+Gtb)*4,578\%$
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	9.711.592	971.159	10.682.751	Gtv2	$Gxd*0,258\%$
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	9.410.457	941.046	10.351.503	Gtv3	$Gxd*0,25\%$
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	123.653.405	12.365.340	136.018.745	Gtv4	$(Gxd)*3,285\%$
5	Chi phí thẩm định giá thiết bị	1.280.727	128.073	1.408.800	Gtv5	$Gtb*0,6\%$
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	16.261.270	1.626.127	17.887.397	Gtv6	$Gxd*0,432$
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	24.730.681	2.473.068	27.203.749		$Ggs*20\%$
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>73.023.666</b>	<b>5.466.308</b>	<b>78.489.974</b>	<b>Gk</b>	<b><math>Gk=Gk1+...+Gk8</math></b>

1	Chi phí bảo hiểm công trình (TT329/2016/BTC)	3.011.346	301.135	3.312.481	Gk1	$Gxd*0,08\%$
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (TT: 10/2020/TT-BTC)	14.216.618		14.216.618	Gk2	$(TMĐT-Gdp)*50%*0,57\%$
3	Chi phí kiểm toán (TT: 10/2020/TT-BTC)	47.887.555	4.788.755	52.676.310	Gk3	$(TMĐT-Gdp)*0,96\%$
4	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT (TT: 209/2016/TT-BTC)	473.887		473.887	Gk4	$(TMĐT-Gdp)*0,019%*50\%$
5	Phí thẩm định thiết kế (TT210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	1.863.270		1.863.270	Gk5	$Gxd*0,0495\%$
6	Phí thẩm định dự toán (TT210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	1.806.808		1.806.808	Gk6	$Gxd*0,048\%$
7	Chi phí thẩm định HSMT thi công (NĐ 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014)	1.882.091	188.209	2.070.300	Gk7	$(Gxd)*0,05\%$
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công (NĐ 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014)	1.882.091	188.209	2.070.300	Gk8	$(Gxd)*0,05\%$
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>			<b>171.713.050</b>	<b>Gdp</b>	<b>Gdp=Gtm-(Gxd+Gqlđa+Gtv+Gk)</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.160.000.000</b>	<b>TMĐT</b>	

**Ghi chú:** Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (*Ưu tiên đầu tư các công trình GD&ĐT*) và các nguồn hợp pháp khác.